

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2018/HNGĐ - ST

Ngày 21 - 8 - 2018

V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Hành**

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Văn Mil** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ** – sinh năm 1974 (Có mặt)

Cư trú tại: Ấp PL, xã TH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Đặng Chí Đ** – sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp PL, xã TH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Đặng Chí Đ kết hôn vào ngày 16 tháng 11 năm 1996 không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm nên vợ chồng thường hay cự cãi, anh Đ không có trách nhiệm với gia đình, thời gian gần đây anh Đ thường xuyên đánh đập chị và có lúc đánh đập chị trước mặt của bạn bè làm mất danh dự của chị. Đến chiều mùng 03 tết năm 2017 thì anh Đ tiếp tục đánh đập chị, đến mùng 5 tết năm 2017 do chịu không nổi nên chị dắt con về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Đồng thời chị và anh Đ cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm gia đình không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Chí Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Đ và anh Đ có với nhau 02 con chung tên Đặng Chí Nguyễn, sinh năm 2001 và Đặng Thị Phương Mai, sinh năm 2010, hiện nay các con đang sống với chị Đ. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho đến khi thành niên, chị Đ không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đ yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nợ riêng: Chị Đ trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Đặng Chí Đ là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Đặng Chí Đ có địa chỉ cư trú tại ấp Phong Lưu, xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Đ và anh Đ kết hôn ngày 16 tháng 11 năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì chị Nguyễn Thị Đ có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên anh Đặng Chí Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

Chị Nguyễn Thị Đ và anh Đặng Chí Đ không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy mối quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Đ không có giá trị pháp lý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Đ và anh Đặng Chí Đ là vợ chồng.

Về con chung: Chị Đ xác định vợ chồng có với nhau được 02 con chung tên Đặng Chí Ng, sinh năm 2001 và Đặng Thị Phương M, sinh năm 2010. Hiện hai con đang sống với chị Đ. Sau khi ly hôn chị Đ yêu cầu tiếp tục nuôi các con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác cháu Ng và cháu M hiện tại đang sống với chị Đ và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi vợ chồng ly hôn Tòa án xem xét nguyện vọng của các con mà giao cho người vợ hay người chồng trực tiếp nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 7 năm 2018 đối với cháu Ng và cháu M của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thì các cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, đây là ý chí tự nguyện của các cháu là con của chị Đ và anh Đ nên Tòa án chấp nhận. Giao cháu Đặng Chí Ng, sinh năm 2001 và Đặng Thị Phương M, sinh năm 2010 cho Chị Nguyễn Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị Đ không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ xác định chị và anh Đ tự thỏa thuận. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị Đ và anh Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị Đ và anh Đ đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004386 ngày 26 tháng 4 năm 2018. Chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Các điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố chị **Nguyễn Thị Đ** và anh **Đặng Chí Đ** không phải là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao cháu **Đặng Chí Ng**, sinh năm 2001 và **Đặng Thị Phương M**, sinh năm 2010 cho Chị Nguyễn Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Đ không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ xác định chị và anh Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị Đ và anh Đ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị Đ và anh Đ đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004386 ngày 26 tháng 4 năm 2018. Chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Chí Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết